

DẤU NGOẶC KÉP - MỘT CHỈ BÁO NGỮ DỤNG

LÊ THI THU HOÀI¹

Abstract: Quotation marks in Vietnamese have so far only been mentioned from the perspective of writing practice; there has not been any in-depth research to understand their value in expressing meaning, especially from the pragmatic aspect. The goal of this article is to present an alternative approach to quotation marks, initiating discussions on their pragmatic characteristics and considering their implications within the Vietnamese corpus. Specifically, we will present a classification table of quotation marks and explore the mechanism of deriving the implicatures within each type of. The conclusion we seek to establish is that quotation marks are indeed pragmatic indicators enabling writer to implement communicative strategies and signaling to the reader the attached pragmatic values that need to be inferred to properly understand the conveyed meaning of the quoted utterances.

Keywords: *quotation marks, quotations, conventional implicature, conversational implicature, cooperative principle*

1. Mở đầu

Dấu ngoặc kép trong tiếng Việt từ trước đến nay thường chỉ được đề cập đến từ góc độ chính tả. Nó được xem là một loại dấu câu phục vụ cho ngôn ngữ viết. Trong các sách giáo khoa phổ thông, dấu ngoặc kép thường được trình bày ở những đặc trưng về “cách dùng” hay “công dụng” của chúng. Nghĩa là chỉ đề cập đến giá trị, ý nghĩa của nó trong hoạt động thực hành (mà cụ thể là thực hành viết). Tuy nhiên, việc sử dụng dấu ngoặc kép trong quá trình tạo lập văn bản không đơn thuần chỉ biểu thị các ý nghĩa như vậy. Đúng từ góc độ ngữ dụng (giá trị giao tiếp), dường như dấu ngoặc kép cho ta nhiều ý nghĩa hơn thế. Trước hết, mỗi dấu ngoặc kép xuất hiện trong một phát ngôn dường như chúng đều đánh dấu một thông tin ngữ dụng nào đó. Nó có thể là đánh dấu tính đa thanh của phát ngôn hay ngăn chặn một cách giải thích khuôn mẫu về biểu thức ngôn ngữ nào đó và chỉ ra một cách hiểu khác cần được suy ra... Có thể thấy, dấu ngoặc kép như là một chỉ báo ngữ dụng giúp người đọc nắm bắt được giá trị và ý nghĩa của các biểu thức nằm trong dấu ngoặc kép đó. Tuy nhiên, cho đến nay, ở Việt Nam chưa có bất cứ công trình nghiên cứu nào xem dấu ngoặc kép như là một đối tượng cần bàn luận hay đi sâu tìm hiểu giá trị của chúng trong việc biểu đạt các thông tin ý nghĩa, đặc biệt là các ý nghĩa dụng học.

Trong tiếng Anh, thời gian trước đây, dấu ngoặc kép cũng dường như chỉ được đề cập đến như một hiện tượng ngữ nghĩa học. Thuật ngữ chỉ dấu ngoặc kép trong tiếng Anh được gọi là dấu trích dẫn (*quotation marks*), có lẽ cũng bởi chức năng đánh dấu thông tin trích dẫn của nó, một

¹ TS, Khoa Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội

chức năng thuần túy về giá trị ngữ nghĩa. Phải khoảng đầu những năm 2000 trở lại đây, các nhà ngôn ngữ trên thế giới bắt đầu quan tâm đến giá trị dụng học của dấu ngoặc kép. Đầu tiên được nhắc đến như là người tiên phong trong hướng tiếp cận này là F. Recanati [11], [12] với các nghiên cứu về “trích dẫn mở” (*open quotation*); trong đó, đề cập đến hai kiểu trích dẫn liên quan đến dấu ngoặc kép là ngoặc kép trích dẫn đóng và ngoặc kép trích dẫn mở. Theo tác giả, ngoặc kép trích dẫn đóng có giá trị ngữ nghĩa, còn ngoặc kép trích dẫn mở có giá trị ngữ dụng. Tiếp theo đó là hàng loạt các tác giả khác đã quan tâm và nhìn dấu ngoặc kép dưới góc nhìn ngữ dụng. Có thể kể đến như “The semantics and pragmatics of hybrid quotations” (*Ngữ nghĩa và ngữ dụng của những trích dẫn hỗn hợp*) của Philippe de Brabanter [7]; “Quotation marks and kinds of meaning arguments in favour of a pragmatic account” (*Dấu ngoặc kép và những loại nghĩa thảo luận ủng hộ một hướng tiếp cận ngữ dụng*) của hai tác giả Daniel Gutzmann và Erik Stei [9]; hay “The semantics and pragmatics of quotation” (*Ngữ nghĩa và ngữ dụng của trích dẫn*) của Paul Saka và Michael Johnson [14]...

Có thể thấy, các nhà ngôn ngữ học trên thế giới đã có những thảo luận khá sôi nổi về hiện tượng này. Trong khi đó, các nhà Việt ngữ học dường như chưa có sự quan tâm thích đáng đến đối tượng được trao đổi ở đây. Vì vậy, mục đích của chúng tôi trong bài viết này là cho thấy một cách tiếp cận khác đối với dấu ngoặc kép. Bên cạnh đó, chúng tôi sẽ đưa ra những thảo luận liên quan đến đặc trưng ngữ dụng của dấu ngoặc kép nói chung và xem xét vấn đề đó trong ngữ liệu tiếng Việt. Bài viết của chúng tôi sẽ tổ chức thành các phần như sau: mục 2 giới thiệu về bảng phân loại dấu ngoặc kép của Daniel Gutzmann và Erik Stei mà chúng tôi ủng hộ; mục 3 trình bày về một kiểu hàm ngôn quy ước mà dấu ngoặc kép thể hiện; mục 4, chúng tôi quan tâm đến các kiểu hàm ngôn hội thoại của dấu ngoặc kép; và cuối cùng, mục 5 là phần kết luận liên quan đến dấu hiệu chỉ báo ngữ dụng của dấu ngoặc kép.

2. Phân loại dấu ngoặc kép

Trong các sách Ngữ văn ở bậc phổ thông, dấu ngoặc kép được chú thích về mặt “công dụng” như sau: “Dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp; đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt hay từ ngữ có hàm ý mỉa mai; đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san... được dẫn” [3, tr.142]. Có thể thấy, dấu ngoặc kép được chú giải thiên về cách sử dụng chúng trong thực hành viết. Dù không phân loại dấu ngoặc kép nhưng dựa trên cách diễn giải về khả năng “đánh dấu” khác nhau của dấu ngoặc kép mà chúng ta hiểu có ba loại dấu ngoặc kép trong tiếng Việt: một là, dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu từ ngữ, câu, đoạn dẫn trực tiếp; hai là, dấu ngoặc kép đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt hay có hàm ý mỉa mai; ba là, dấu ngoặc kép đánh dấu tên tác phẩm, tờ báo, tập san... Các nhà Việt ngữ học cũng không có xu hướng đặt tên, hay dùng một thuật ngữ nào đó để chỉ từng loại dấu ngoặc kép này. Chúng ta có thể lí giải sự quan tâm chưa thích đáng này phải chăng là do đối tượng tiếp cận vấn đề ở đây là các học sinh bậc phổ thông? Tuy nhiên, ở bậc cao hơn, tình hình cũng tương tự. Trong sách *Tiếng Việt thực hành* dành

cho sinh viên đại học, dấu ngoặc kép được xếp vào nhóm những dấu câu được dùng để “đánh dấu một số bộ phận đặc biệt trong câu” [2, tr.197]. Cụ thể là:

“- Đánh dấu tên tài liệu, sách, báo được dẫn trong câu;

- Đánh dấu nguyên văn lời nói, câu văn hay từ ngữ của một người nhất định hay của nhân vật trong tác phẩm văn học. Trường hợp dẫn đầy đủ cả câu, cả đoạn của người khác trong văn bản của mình thì đánh dấu câu, đoạn ấy bằng dấu hai chấm cùng dấu ngoặc kép.

- Biểu thị cách dùng đặc biệt của một số từ ngữ trong câu.” [2, tr.197]

Tuy có diễn giải cụ thể hơn một chút nhưng nhìn chung dấu ngoặc kép vẫn chỉ là một loại dấu câu được hướng dẫn trong quá trình viết văn bản, mục tiêu là tránh nhầm lẫn và mắc lỗi trong việc sử dụng. Thậm chí, trong các sách ngữ pháp tiếng Việt mang tính chuyên ngành hơn, dấu ngoặc kép cũng được mô tả là “dùng để chỉ ranh giới của một lời nói được thuật lại trực tiếp [...]”. Có khi, ý hay lời được thuật lại là một danh ngôn, một khẩu hiệu [...]. Dấu ngoặc kép còn dùng để dẫn lại với thái độ mỉa mai một từ ngữ do người khác dùng...” [4, tr.237]. Rõ ràng là, tình hình cũng không có gì khả quan hơn. Dấu ngoặc kép không thực sự nhận được sự quan tâm thích đáng từ các nhà Việt ngữ học. Chúng không được xem như một hiện tượng ngôn ngữ cần nghiên cứu mà thuần túy chỉ được đề cập đến như một trong những loại dấu câu trong thực hành ngôn ngữ viết. Điều đó, cũng lí giải vì sao cho đến bây giờ dấu ngoặc kép trong tiếng Việt không được phân loại hay mô tả về giá trị thực sự của chúng trong hoạt động ngôn ngữ.

Trên thế giới, việc phân loại và gọi tên dấu ngoặc kép đã được quan tâm đến từ khá lâu. Paul Saka [13] chia dấu ngoặc kép thành năm loại: *metalinguistic citation* (trích dẫn siêu ngôn ngữ), *reported speech* (trích dẫn diễn ngôn được thông báo), *scare-quoting* (trích dẫn hù dọa), *echo-quoting* (trích dẫn ám hiệu), và *loanword and titles* (mượn từ và tiêu đề). Bảng phân loại này của Saka chưa thực sự thuyết phục khi có nhiều sự chồng chéo trong các nhóm; chẳng hạn như trích dẫn siêu ngôn ngữ chính là kiểu trích dẫn thuần túy và nó bao hàm việc trích dẫn mượn các tiêu đề. Việc nhóm trích dẫn mượn từ và tiêu đề với nhau dường như không thỏa đáng vì bản chất chúng không hoàn toàn như nhau. Khi đã chú ý đến giá trị ngữ dụng của dấu ngoặc kép, F. Recanati [11] đã phân loại dấu ngoặc kép thành hai nhóm với hai chức năng riêng biệt: *closed quotation* (ngoặc kép trích dẫn đóng) và *open quotation* (ngoặc kép trích dẫn mở). Trong đó, tác giả lí giải ngoặc kép trích dẫn đóng là loại ngoặc kép chỉ có giá trị ngữ nghĩa, nó cùng biểu thức trích dẫn chỉ được dùng để bổ sung chỗ trống ngôn ngữ trong câu. Có thể hiểu ý của Recanati đang đề cập đến loại ngoặc kép trích dẫn thuần túy và ngoặc kép trích dẫn trực tiếp. Còn ngoặc kép trích dẫn mở là những loại ngoặc kép được dùng trong những trường hợp còn lại. Bảng phân loại này của Recanati khá khái quát bởi tác giả đang đứng trên một góc nhìn rộng khi đặt tiêu chí phân loại là dựa trên sự phân biệt những giá trị ngữ nghĩa hay ngữ dụng mà dấu ngoặc kép biểu thị. Tiếp thu những cách phân loại dấu ngoặc kép khác nhau và với mục tiêu xem xét các giá trị ngữ dụng của

dấu ngoặc kép, hai tác giả Daniel Gutzmann và Erik Stei [9, tr.162] đã đưa ra một danh mục các loại dấu ngoặc kép như sau:

(1) a. *Pure quotation - PQ (Ngoặc kép trích dẫn thuần túy)*

“This theory is difficult to understand” is a sentence.

(“Lí thuyết này rất khó hiểu” là một câu.)

b. *Direct quotation - DQ (Ngoặc kép trích dẫn trực tiếp)*

Alice says, “This theory is difficult to understand.”

(Alice nói: “Lí thuyết này rất khó hiểu”.)

c. *Mixed quotation - MQ (Ngoặc kép trích dẫn hỗn hợp)*

Alice says that this theory “is difficult to understand”.

(Alice nói rằng lí thuyết này “rất khó hiểu”.)

d. *Scare quotes - SQ (Ngoặc kép hù dọa)*

This “theory” is difficult to understand.

(“Lí thuyết” này rất khó hiểu.)

e. *Emphatic quotes - EQ (Ngoặc kép nhấn mạnh)*

(headline of today’s newspaper) Alice’s “new” theory!

((Tiêu đề của tờ nhật báo) Lí thuyết “mới” của Alice.)

Theo đó, các tác giả này đã diễn giải, ngoặc kép trích dẫn thuần túy là loại ngoặc kép mà “biểu thức trích dẫn được đề cập thay vì được sử dụng” (*the quoted words are mentioned rather than used*) [9]. Nghĩa là biểu thức trong dấu ngoặc kép loại này được sử dụng như một tín hiệu gắn nhãn cho một đối tượng mà chúng ta dùng để nhắc về chúng chứ không phải về ý nghĩa mà biểu thức đó chuyển tải. Nói cách khác, loại ngoặc kép này thực hiện một chức năng siêu ngôn ngữ. Nó đánh dấu đối tượng được đề cập đến chính là ngôn ngữ. Kiểu như:

(2) a. “*Hạnh phúc*” là một từ có hai âm tiết trong tiếng Việt.

b. “*Ngủ*” là một động từ nội động không đòi hỏi bổ ngữ đi kèm.

Trong tiếng Việt, dường như các nhà ngôn ngữ học đã “bỏ sót” chức năng này của dấu ngoặc kép. Tuy nhiên, chúng ta lại thấy loại dấu ngoặc kép này tương ứng với dấu ngoặc kép mà các nhà Việt ngữ học đã chú thích công dụng ở trên là “Đánh dấu tên tài liệu, sách, báo được dẫn trong câu” [2]. Khi đề cập đến tên những tác phẩm, tài liệu trong một câu chúng ta dùng dấu ngoặc kép để đánh dấu đó là một đối tượng chúng ta đang đề cập đến, đang nhắc đến chứ không phải ý nghĩa mà từ ngữ tạo ra tên tác phẩm mang lại. Đứng từ góc độ khái quát thì nó cũng đang thực hiện chức năng siêu ngôn ngữ. Chúng ta quan sát:

(3)a. *Luận án chọn “Bến không chồng” của nhà văn Dương Hương làm đối tượng nghiên cứu.*

b. *“Ngày mai người ta lấy chồng” của Voi bản Đôn đã nhận được hơn 13 triệu lượt view.*

Trong (3) các biểu thức “Bến không chồng” hay “Ngày mai người ta lấy chồng” đóng góp vai trò trong câu như một “tên riêng” chỉ tới một đối tượng. Nó được “đề cập đến” thay vì được “sử dụng”. Ở đây ngữ nghĩa của các biểu thức trong ngoặc kép không đóng góp vào việc hình thành nghĩa câu nói. Đây cũng chính là loại ngoặc kép mà F. Recanati đã miêu tả là chỉ được dùng để “bổ sung chỗ trống ngôn ngữ” [11] trong câu.

Đối với loại ngoặc kép trích dẫn trực tiếp (1b) và ngoặc kép trích dẫn hỗn hợp (1c), Gutzmann và Stei chú giải rằng những ngoặc kép này đánh dấu những biểu thức nằm trong chúng là lời nói của Alice được người viết trích dẫn đưa vào trong câu. Hai tác giả đã không đi vào phân biệt hay mô tả cụ thể hai loại dấu ngoặc kép này. Nhưng qua những ví dụ của họ, chúng ta có thể hình dung dấu ngoặc kép trích dẫn trực tiếp là loại dấu được dùng để đánh dấu những câu, đoạn được một người khác nói và người viết đưa toàn bộ chúng vào trong câu nói của mình. Dấu ngoặc kép loại này đánh dấu phần nội dung bên trong là lời của một người khác không phải là của người viết. Loại dấu ngoặc kép này cũng tương ứng với kiểu trích dẫn trực tiếp trong tiếng Việt, được chỉ dẫn dùng dấu hai chấm và dấu ngoặc kép để “Đánh dấu nguyên văn lời nói, câu văn hay từ ngữ của một người nhất định hay của nhân vật trong tác phẩm văn học” [2, tr.197]. Có vẻ chức năng trích dẫn trực tiếp của dấu ngoặc kép quá hiển nhiên nên chúng là một loại ngoặc kép, một chức năng đặc thù mà trong ngữ liệu ngôn ngữ nào cũng có sự tương đồng.

(4)a. *Bác nói: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”* (Hồ Chí Minh: Toàn tập, T.4, tr. 161)

b. *Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, như muốn bảo tôi rằng: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế nào mà lão xử với tôi như thế này à?”.* (Nam Cao, *Lão Hạc*)

Ngoặc kép trích dẫn hỗn hợp (1c), theo Cappelen và Lepore (1997) là sự kết hợp giữa trích dẫn lời nói trực tiếp và lời nói gián tiếp (*mixed quotation is a combination of direct speech and indirect speech*) (Dẫn theo [7]). Chúng tôi đồng tình với cách giải thích này. Biểu thức trong dấu ngoặc kép thực chất vẫn là trích dẫn lời của một người khác nhưng thay vì giữ nguyên văn như trích dẫn trực tiếp thì trích dẫn hỗn hợp chỉ lựa chọn những từ khoá, những từ ngữ then chốt nhất trong ý kiến đó để trích dẫn. Nếu trích dẫn trực tiếp cần sử dụng nguyên vẹn không thay đổi lời nói của đối tượng, trích dẫn gián tiếp thuật lại lời đối tượng bằng diễn giải của người viết thì trích dẫn hỗn hợp giúp người viết diễn đạt điều đó theo chủ đích của mình nhưng vẫn đan cài, lột tả được quan điểm của đối tượng bằng những từ ngữ được người viết đánh giá là quan trọng nhất trong quan điểm hay lời nói đó hoặc có giá trị góp phần biểu đạt ý nghĩa và mục đích cho câu văn

của mình. Xét trong góc nhìn của các nhà Việt ngữ học, loại ngoặc kép này không được đề cập đến một cách tường minh. Tuy nhiên, họ có đề cập đến một “cách dùng” dấu ngoặc kép là “đánh dấu từ ngữ ... có hàm ý mỉa mai” [3] hay “Dấu ngoặc kép còn dùng để dẫn lại với thái độ mỉa mai một từ ngữ do người khác dùng” [4]. Một ví dụ thường được dẫn để minh họa cho chức năng này của dấu ngoặc kép là:

(5) *Một thế kỷ “văn minh”, “khai hoá” của thực dân cũng không làm ra được một tác sất.*
(Thép Mới, *Cây tre Việt Nam*)

Các tác giả biên soạn giáo trình giải thích là dấu ngoặc kép trong (5) đánh dấu những từ ngữ có hàm ý mỉa mai. Chúng tôi cho rằng hàm ý mỉa mai là dụng ý của người viết muốn truyền tải qua câu văn hay đoạn văn có chứa những từ ngữ đó, còn về bản chất những từ ngữ trong dấu ngoặc kép chỉ đánh dấu đó không phải lời của người viết, mà người viết chỉ dùng lại những từ ngữ do một người khác đã nói. Trong (5) những từ ngữ trong dấu ngoặc kép là của thực dân Pháp sử dụng khi chúng đề cập đến việc hiện diện ở Việt Nam. Người viết để những từ đó trong dấu ngoặc kép với hàm ý đánh dấu lời của người khác được đưa vào câu văn nhằm phục vụ cho dụng ý của mình. Dù những biểu thức được đưa vào trong dấu ngoặc kép hỗn hợp được người viết sử dụng để đánh dấu một luận điểm quan trọng hay dùng để “mỉa mai” luận điểm ấy thì dấu ngoặc kép về bản chất vẫn đang thực hiện chức năng chỉ ra những từ ngữ đó là của người khác được đưa vào phát ngôn để phục vụ cho mục đích của người viết. Những kiểu trích dẫn thành ngữ, tục ngữ hay khẩu hiệu, chúng tôi cũng xếp vào loại ngoặc kép trích dẫn này.

Loại ngoặc kép thứ tư được đề cập là ngoặc kép hù dọa (1d)². Sử dụng loại ngoặc kép này, người viết muốn cho biết biểu thức trong dấu ngoặc kép phải được hiểu theo một nghĩa khác, không phải là nghĩa thông thường của nó. Chúng báo hiệu một sự nguy hiểm về nghĩa hoặc gợi ý vấn đề với từ ngữ được đặt trong dấu ngoặc kép. Ở (1d), dấu ngoặc kép sẽ được người đọc suy ra là “lí thuyết” bị cáo buộc không xứng đáng với nghĩa đen của từ lí thuyết. Trong tiếng Việt, dấu ngoặc kép cũng được sử dụng với chức năng này. Các nhà Việt ngữ học đã chú giải chức năng này là “đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt” [3]. Tuy nhiên, cái “nghĩa đặc biệt” đó cụ thể như thế nào, cách người đọc có thể suy luận để hiểu cái nghĩa đặc biệt đó thế nào thì không được giải thích rõ. Từ loại dấu ngoặc kép này, chức năng “trích dẫn” không còn nổi trội nữa. Người viết

² Thuật ngữ tiếng Anh của loại ngoặc kép này là “scare quotes”. Chúng tôi thực sự phân vân không biết nên dịch là “ngoặc kép sợ hãi” hay “ngoặc kép hù dọa”. Tuy nhiên, nếu sử dụng thuật ngữ *ngoặc kép sợ hãi* thì cảm thấy không thật sự chính xác vì biểu thức trong dấu ngoặc kép và mục tiêu sử dụng nó của người viết không biểu lộ sự “sợ hãi” nào cả. Vì vậy, chúng tôi tạm dịch là ngoặc kép “hù dọa” (mặc dù cũng thấy chưa thật thoả đáng) nhưng ít nhất cũng thấy sự nhấn mạnh về ý nghĩa đặc biệt, khác thường và đáng ngờ của biểu thức trong ngoặc kép của người viết.

sử dụng dấu ngoặc kép hù dọa là để ngăn chặn cách hiểu thông thường về biểu thức có trong ngoặc và gợi ý một cách hiểu khác cần được thay thế.

(6) a. *Kinh hãi “công nghệ” tẩy trắng mực thổi bằng oxy già.* (VTVonline - Xã hội - 13/05/2021)

b. *Phát hiện cơ sở chế biến “cà phê” bằng... đậu nành và bắp.* (Dân trí - Xã hội - 20/01/2015)

Ở cả (6a) và (6b), người đọc buộc phải hiểu ý nghĩa của các từ trong ngoặc kép không như ý nghĩa vốn biết của những từ đó, mà cần phải suy ra hàm ý “phủ định” của người viết về quy trình hay đối tượng không tương xứng với khái niệm được biểu hiện trong ngoặc kép. Theo chúng tôi, chính loại ngoặc kép này mới thực sự được dùng để đánh dấu từ ngữ mang hàm ý “mĩa mai”. Người viết “mĩa mai” cái đang đề cập đến tất nhiên không phải “công nghệ” hay “cà phê” như ta thường nghĩ.

Loại ngoặc kép cuối cùng là ngoặc kép nhấn mạnh. Trong ví dụ ở (1e), Gutzmann và Stei cho rằng loại dấu ngoặc kép này được người viết sử dụng “đường như để nhấn mạnh tính mới của lí thuyết” (...seems to put emphasis on the novelty of the theory) [9]. Chức năng “nhấn mạnh” của dấu ngoặc kép không được các nhà Việt ngữ học đề cập đến. Trên thực tế, khi viết về một vấn đề gì đó, để người đọc chú ý đến một đặc điểm hay đối tượng có ý nghĩa đặc biệt theo quan điểm của mình, người viết thường đặt ngữ từ ngữ nói về đặc điểm hay đối tượng đó trong dấu ngoặc kép. Biểu thức trong dấu ngoặc kép hoàn toàn là lời nói, quan điểm của người viết. Dấu ngoặc kép ở đây không được dùng để đánh dấu sự trích dẫn ý kiến, quan điểm của người khác. Chúng ta quan sát các phát ngôn sau:

(7)a. *Ở đây bán bánh mì “tươi”.*

b. *Thiết bị mới cho phép người điếc “nghe bằng lưỡi”*

Ở (7a) người viết muốn nhấn mạnh đặc tính của bánh mì trong cửa hàng là bánh tươi được sản xuất và bán trong ngày nên đã đặt từ *tươi* và trong ngoặc kép để thể hiện hàm ý này. Khi tiếp xúc với biểu thức và dấu ngoặc kép trong (7b), người đọc dễ nhầm lẫn với ngoặc kép hù dọa và cho rằng người viết có hàm ý biểu thức trong ngoặc cần phải hiểu khác đi, nhưng thực ra đây chỉ là ngoặc kép nhấn mạnh. Người viết chỉ muốn nhấn mạnh đặc tính lạ (không theo cách nghĩ và quan điểm thông thường là nghe thì phải bằng tai) của một loại thiết bị mới được phát minh dành cho người điếc. Thay vì nghe bằng một thiết bị cấy trong tai như truyền thống thì giờ đây loại thiết bị mới ra đời sẽ được cấy vào lưỡi của người bệnh giúp họ có thể tiếp nhận âm thanh. Rõ ràng, chức năng nhấn mạnh hay loại ngoặc kép nhấn mạnh là có tồn tại trong quá trình sử dụng ngôn ngữ với một mục đích giao tiếp rõ rệt.

Với danh mục các loại dấu ngoặc kép này, dường như chúng ta có một góc nhìn đầy đủ hơn về chức năng và hoạt động của dấu ngoặc kép trong giao tiếp. Qua những mô tả về từng loại dấu ngoặc kép như trên, chúng ta cũng hình dung được phần nào giá trị dụng học của chúng. Mỗi loại dấu ngoặc kép được sử dụng đều có dụng ý của người viết, đều hàm chứa một mục đích giao tiếp nhất

định. Điều đó cho chúng ta thấy, quả thực, việc tiếp cận dấu ngoặc kép từ góc độ dụng học là một hướng nghiên cứu khả quan và triển vọng. Phần tiếp theo, chúng tôi sẽ đi sâu vào phân tích những giá trị dụng học cụ thể của dấu ngoặc kép được biểu hiện theo những tầng nghĩa khác nhau như thế nào.

3. Một kiểu hàm ngôn quy ước của dấu ngoặc kép

Hàm ngôn quy ước (conventional implicature) “là loại hàm ngôn nảy sinh do việc sử dụng những biểu thức nào đó trong phát ngôn chứ không phải nảy sinh từ ngữ cảnh” [1, tr.3]. Nó là một loại ý nghĩa hàm ẩn được mã hóa trong ngôn ngữ và được đưa vào phát ngôn nhờ một số từ ngữ hay hình thức ngôn ngữ nhất định. Tức là, nó nằm ngay trong bộ phận nghĩa của phát ngôn, luôn ổn định và không phụ thuộc vào ngữ cảnh. Hàm ngôn quy ước thường là một thông báo đi kèm với nội dung thông báo chính thức. Kiểu như:

(8) Nó ***lại*** nói dối.

+ Nghĩa tường minh: Nói nói dối.

+ Hàm ngôn quy ước: Nó nói dối nhiều lần.

Hàm ngôn quy ước của (8) được nảy sinh do từ “***lại***” xuất hiện trong câu. Nó được xem là một nghĩa hàm ẩn đính kèm với nghĩa tường minh để tạo nên ý nghĩa tổng thể mà người nói muốn truyền đạt đến cho người nghe. Do được đưa vào phát ngôn thông qua một yếu tố ngôn ngữ nên hàm ngôn quy ước không chịu sự tác động của ngữ cảnh. Dù (8) có được nói bởi ai, trong hoàn cảnh nào hay đối tượng quy chiếu của từ “***nó***” có thay đổi thì hàm ngôn quy ước của phát ngôn vẫn tồn tại, ổn định, không biến đổi.

Gutzmann và Stei [9] không ủng hộ khả năng biểu hiện hàm ngôn quy ước của dấu ngoặc kép. Hai tác giả này đã đưa ra những lập luận phản bác quan điểm và cách phân tích hàm ngôn quy ước khi dùng dấu ngoặc kép của Predelli (2003) và Potts (2005). Chúng tôi xin không đề cập cụ thể đến các quan điểm và luận điểm của các tác giả này. Bởi vì, những luận điểm phản bác của họ không có gì sai. Cái chúng tôi không chia sẻ là những tác giả này chỉ tập trung vào hàm ngôn quy ước nảy sinh do các biểu thức ngôn ngữ trong ngoặc kép chứ không phải của chính bản thân dấu ngoặc kép. Xét từ góc độ khái quát, dấu ngoặc kép cũng được xem là một tín hiệu ngôn ngữ (dưới dạng chữ viết); được chúng ta sử dụng nhằm biểu đạt tư tưởng và truyền tải thông điệp nhất định trong hoạt động giao tiếp. Đứng từ góc độ này, chúng tôi thấy mỗi dấu ngoặc kép được sử dụng đều hàm chứa một hàm ngôn quy ước. Nó đánh dấu biểu thức ngôn ngữ được đưa vào trong ngoặc kép và ngăn chặn cách hiểu có sẵn của biểu thức đó. Nói cách khác, biểu thức trong ngoặc kép được đánh dấu một giá trị giao tiếp khác biệt nào đó, như là một thông tin bổ sung vào ý nghĩa tường minh của phát ngôn đó.

(9)a. Xe máy “*cắm tử*” giữa xe tải và container. (VnExpress - 27/01/2015)

b. Hang động này như một “*viên nang thời gian*” lưu giữ lịch sử tiến hoá của loài người. (nguoiquansat.vn - 20/12/2023)

Chúng ta chưa bàn đến ý nghĩa của các biểu thức “cảm tử” và “viên nang thời gian” đóng góp thế nào vào ý nghĩa tổng thể của phát ngôn (9a), (9b), mà ấn tượng đầu tiên là những biểu thức này được người viết đặt trong dấu ngoặc kép rõ ràng nó đánh dấu một giá trị khác thường nào đó ngoài giá trị bề mặt từ ngữ của chúng; hay chúng ta cần phải hiểu những từ ngữ này theo một cách khác với nghĩa thông thường mà chúng ta đã biết. Hơn nữa, cái khả năng chặn cách hiểu có sẵn đối với biểu thức bao chứa của dấu ngoặc kép này lại không chịu sự tác động của ngữ cảnh. Dù ngữ cảnh của phát ngôn thay đổi thì chức năng đánh dấu này của ngoặc kép vẫn không thay đổi. Đó cũng là đặc trưng nổi trội của các hàm ngôn quy ước. Có thể thấy, dấu ngoặc kép chính là một yếu tố trong hệ thống ngôn ngữ được người viết đưa vào phát ngôn nhằm tạo ra một thông báo đính kèm góp phần vào việc hình thành ý nghĩa tổng thể của phát ngôn.

Ngoặc kép trong (9a) và (9b) là ngoặc kép đe dọa. Hiệu ứng chặn cách hiểu có sẵn của dấu ngoặc kép loại này khá rõ ràng. Câu hỏi đặt ra là với những loại ngoặc kép khác thì hiệu ứng chặn này hay kiểu hàm ngôn quy ước này được biểu hiện như thế nào? Ở loại ngoặc kép trích dẫn thuần túy, hàm ngôn quy ước cũng đánh dấu cách hiểu khác biệt đối với biểu thức trích dẫn; những không phải là cần suy ra một ý nghĩa thay thế ý nghĩa có sẵn của biểu thức như ngoặc kép đe dọa mà nó chỉ dẫn người đọc không cần “quan tâm” đến ý nghĩa của các từ ngữ trong dấu ngoặc kép, chỉ xem nó là một biểu thức gán nhãn chỉ ra một đối tượng nào đó. Hay nói cách khác, biểu thức đó được xem như đang thực hiện chức năng quy chiếu, trở ra một đối tượng được đề cập đến trong phát ngôn. Như vậy, hàm ngôn quy ước của ngoặc kép trích dẫn thuần túy cũng là đánh dấu một giá trị khác thường nào đó của biểu thức trong ngoặc kép, mà sau đó với sự tham gia của ngữ cảnh chúng ta biết rằng đó chính là chức năng quy chiếu, chức năng đề cập (chứ không sử dụng).

Đối với hai loại ngoặc kép trích dẫn trực tiếp và ngoặc kép trích dẫn hỗn hợp, chức năng nổi trội của chúng là tính trích dẫn. Khi gặp những loại ngoặc kép này, người đọc sẽ nhận biết tính đánh dấu của chúng là biểu thức trong dấu ngoặc kép là ý kiến của người khác được người viết đưa vào phát ngôn của mình. Đứng từ góc độ ngữ dụng thì ngoặc kép này chính là dấu hiệu đánh dấu tính đa thanh của phát ngôn. Hàm ngôn quy ước của những loại ngoặc kép này cũng là chặn cách hiểu thông thường của biểu thức trong ngoặc; chỉ ra biểu thức đó không phải là giọng nói, quan điểm của người viết mà là của một người khác được người viết đưa vào phát ngôn để phục vụ cho ý đồ giao tiếp của mình.

Loại ngoặc kép cuối cùng, ngoặc kép nhấn mạnh, hàm ngôn quy ước chặn cách hiểu thông thường của biểu thức trong ngoặc dường như không rõ ràng như những loại ngoặc kép khác. Nó không đánh dấu biểu thức trong ngoặc cần được hiểu khác như ngoặc kép đe dọa; không đánh dấu biểu thức trong ngoặc là ý kiến của một chủ ngôn khác được đưa vào phát ngôn như ngoặc kép trích dẫn trực tiếp và hỗn hợp; không đánh dấu biểu thức đó là một nhãn dán được sử dụng thuần túy chức năng quy chiếu như ngoặc kép trích dẫn thuần túy. Ý nghĩa của biểu thức trong ngoặc vẫn được hiểu đúng như nghĩa có sẵn của nó. Nhưng khi gặp loại ngoặc kép này, người đọc vẫn

đặt câu hỏi người viết sử dụng dấu ngoặc kép ở đây để làm gì? Biểu thức được đặt trong ngoặc chắc chắn có một dụng ý gì khác. Đây chính là chức năng đánh dấu tính đặc biệt của biểu thức bên trong dấu ngoặc kép. Đối với loại ngoặc kép nhấn mạnh thì nó đánh dấu một tính chất nổi trội nào đó mà người viết muốn người đọc quan tâm đến nó, tập trung vào nó hơn những cái khác. Đây chính là kiểu hàm ngôn quy ước đặc thù của loại dấu ngoặc kép này.

Từ những phân tích ở trên chúng tôi muốn đưa ra một gợi ý xem xét một kiểu chức năng của các loại dấu ngoặc kép trong phạm vi ngữ dụng. Dấu ngoặc kép nói chung đều biểu hiện một kiểu hàm ngôn quy ước đó là đánh dấu, ngăn chặn một cách hiểu thông thường về biểu thức nằm trong ngoặc kép. Dù mỗi loại dấu ngoặc kép có thể đánh dấu những chức năng khác nhau của biểu thức trong ngoặc nhưng có một điểm chung là khi xuất hiện trước hết chúng đánh dấu tính “đặc biệt” của biểu thức đó và khiến người đọc cần chú ý, xem xét giá trị biểu đạt của chúng là gì hay mục tiêu của người viết sử dụng chúng để làm gì? Có thể xem đây là một kiểu hàm ngôn quy ước khái quát của dấu ngoặc kép. Nó được phái sinh hoàn toàn độc lập với ngữ cảnh. Vấn đề tiếp theo mà chúng tôi quan tâm là khi có sự tham gia của các nhân tố ngữ cảnh thì các dấu ngoặc kép sẽ phái sinh các kiểu hàm ngôn hội thoại gì và cơ chế suy luận nào giúp chúng ta nhận biết chúng.

4. Hàm ngôn hội thoại của dấu ngoặc kép

Với những gì đã trao đổi cho đến giờ, chúng ta có cái nhìn trực quan về khía cạnh chỉ dẫn của dấu ngoặc kép như sau: Từ quan điểm của người viết, dấu ngoặc kép được sử dụng để truyền đạt rằng cần có một cách giả thích “không chuẩn mực” về biểu thức nằm trong dấu ngoặc kép; còn từ góc nhìn của người đọc, chúng chỉ ra rằng cần có những suy luận ngữ dụng nhiều hơn đối với biểu thức trong ngoặc để hiểu rõ dụng ý của người viết. Vậy là, dấu ngoặc kép không chỉ dừng lại ở tính đánh dấu một kiểu hàm ngôn quy ước mà để hiểu rõ biểu thức trong ngoặc truyền tải ý nghĩa gì, đóng góp vai trò gì trong ý đồ giao tiếp của người viết, chúng ta cần huy động nhiều hơn những nhân tố ngoài ngôn ngữ như chiến lược, mục đích, tri thức nền, những nhân tố ngữ cảnh... Tính phụ thuộc vào ngữ cảnh còn rõ hơn khi thậm chí cùng một biểu thức được đặt trong dấu ngoặc kép nhưng ở những phát ngôn khác nhau với ngữ cảnh khác nhau chúng lại được xem là những loại ngoặc kép khác nhau và góp phần không giống nhau vào ý nghĩa tổng thể của phát ngôn.

(10)a. *Bài báo phản ánh việc ca sĩ Thuỷ Tiên kêu gọi quyền góp giúp đỡ đồng bào miền Trung bị bão lũ và thực hiện công tác từ thiện trao quà và tiền đến tận tay người dân. Độc giả bình luận dưới bài báo: **Cô ấy thật “tuyệt vời”**.*

b. *Bài báo phản ánh việc ca sĩ Thuỷ Tiên bị tố cáo gian lận số tiền từ thiện. Độc giả bình luận dưới bài báo: **Cô ấy “tuyệt vời” quá**.*

c. *Tiêu đề bài báo sau những sự việc liên quan đến việc không minh bạch đối với số tiền từ thiện của ca sĩ Thuỷ Tiên: **Thuỷ Tiên: Cô ấy có còn “tuyệt vời”?***

Nếu trong ngữ cảnh (10a) dấu ngoặc kép được xem là ngoặc kép nhấn mạnh thì cùng biểu thức đấy nhưng trong ngữ cảnh (10b) nó lại là ngoặc kép đe dọa; và cuối cùng, trong ngữ cảnh (10c) nó lại được hiểu là ngoặc kép hỗn hợp. Rõ ràng, việc giải thích chính xác một câu có chứa dấu ngoặc kép phụ thuộc nhiều vào ngữ cảnh, cùng một biểu thức trích dẫn có thể truyền đạt ý nghĩa khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh giao tiếp. Kiểu ý nghĩa được hình thành và biến đổi theo ngữ cảnh là đặc trưng điển hình của hàm ngôn hội thoại. Đó chính là gợi ý để các nhà ngôn ngữ tập trung đến đặc trưng biểu hiện các hàm ngôn hội thoại của dấu ngoặc kép.

Để xem xét cơ chế tạo hàm ngôn hội thoại của ngoặc kép, Gutzmann và Stei đã sử dụng kết hợp cả nguyên tắc hợp tác hội thoại của Grice và cách suy luận ngữ dụng của Horn. Chúng tôi thấy rằng, có thể đơn giản hơn khi chỉ cần áp dụng các phương châm trong lý thuyết của Grice cũng đủ giúp chúng ta nhìn rõ cơ chế tạo hàm ngôn hội thoại của dấu ngoặc kép. Các phân tích được đề xuất sẽ mang tinh thần Grice và do đó nó sẽ dựa trên giả định về một nguyên tắc hợp tác và được hiện thực hoá thông qua một số phương châm cụ thể.

(CP) - Nguyên tắc hợp tác (Cooperative principle)

Hãy làm cho phần đóng góp của bạn đúng như nó được đòi hỏi ở giai đoạn mà nó xuất hiện phù hợp với mục đích hay phương hướng của cuộc hội thoại mà bạn đã chấp nhận tham gia.

(MQt) - Phương châm về lượng (Maxim of quantity)

1. Hãy làm cho phần đóng góp của bạn có lượng tin đúng như đòi hỏi.
2. Đừng làm cho phần đóng góp của bạn có lượng tin lớn hơn đòi hỏi.

(MQl) - Phương châm về chất (Maxim of quality)

1. Đừng nói những điều bạn tin là sai.
2. Đừng nói điều mà bạn không có đủ bằng chứng xác thực.

(MR) - Phương châm về quan hệ (Maxim of relation)

Hãy quan yếu.

(MM) - Phương châm về cách thức (Maxim of manner)

1. Tránh lối nói tối nghĩa.
2. Tránh lối nói mơ hồ
3. Hãy nói ngắn gọn
4. Hãy nói có trật tự

Theo nguyên tắc hợp tác của Grice, một người viết có năng lực sẽ không đặt một biểu thức trong ngoặc kép nếu người đó chỉ muốn truyền đạt cách diễn giải tiêu chuẩn của biểu thức đó.

Tương tự, một độc giả thành thạo sẽ không cho rằng một biểu thức được đặt trong ngoặc kép chỉ truyền đạt cách diễn giải thông thường về nó. Đúng hơn, với một người viết có tinh thần hợp tác, một số ý nghĩa bổ sung (hoặc ý nghĩa khác) được xác định theo ngữ cảnh sẽ được chờ đợi, nếu không sẽ không rõ tại sao dấu ngoặc kép lại được sử dụng trong phát ngôn. Chúng tôi sẽ đề cập đến cách hàm ngôn hội thoại của cấu trúc sử dụng dấu ngoặc kép được suy ra theo các bước với sự góp mặt của các nhân tố ngữ cảnh và nguyên tắc hợp tác của Grice như thế nào. Chúng ta quay lại với phát ngôn (6b): *Phát hiện cơ sở chế biến “cà phê” bằng... đậu nành và bắp*. Đây là tiêu đề một bài báo trên trang Dân trí, người viết đã đặt từ *cà phê* vào trong dấu ngoặc kép. Theo như những phân tích của chúng tôi ở mục 3, trước hết sự xuất hiện của dấu ngoặc kép đã đánh dấu, ngăn chặn một cách hiểu thông thường về biểu thức nằm trong ngoặc kép này. Việc tiếp theo là chúng ta cần xem cách hiểu nào cần được suy ra đối với biểu thức trong ngoặc. Và sau đây là một gợi ý mà hàm ngôn hội thoại của dấu ngoặc kép và biểu thức trong ngoặc có thể được suy ra trong khung lý thuyết Grice.

(11A)		
a.	Người viết (W) đã viết <i>Phát hiện cơ sở chế biến “cà phê” bằng... đậu nành và bắp.</i> (giả thiết)	
b.	Với (a) W đã cho biết (theo nghĩa của từ ngữ đã sử dụng) là phát hiện cơ sở chế biến cà phê bằng đậu nành và bắp. (nghĩa phát ngôn - chưa có sự góp nghĩa của ngoặc kép)	
c.	W đánh dấu biểu thức <i>cà phê</i> bằng cách đóng trong ngoặc kép. (11a)	
d.	Nếu W chỉ có ý là phát hiện cơ sở chế biến cà phê bằng đậu nành và bắp thì W đã vi phạm (MQt.2) làm cho phần đóng góp của mình nhiều hơn đòi hỏi. (MQt.2 + MR + MM.3)	
e.	Cho rằng W là người hợp tác, sẽ không vi phạm (MQt.2). (CP)	
f.	W nói gì đó nhiều hơn hoặc khác so với chỉ là phát hiện cơ sở chế biến cà phê bằng đậu nành và bắp. (11d + 11e)	
(11B)		
g.	W là một nhà báo, anh ta có những kiến thức cơ bản, phổ quát về cà phê. (giả thiết)	
h.	W viết (6b) trong ngữ cảnh chế biến cà phê. (giả thiết)	
i.	Về nguyên tắc, cà phê được làm từ hạt cà phê. Cà phê làm từ hạt đậu nành và bắp (ngô) là không đúng theo tiêu chuẩn của loại đồ uống được gọi là cà phê. (giả thiết)	
k.	Có thể suy ra từ phát ngôn là W không cho rằng đây là cà phê. (11f + 11g + 11h + 11i)	
l.	W biết người đọc có thể suy ra điều này từ việc sử dụng ngoặc kép của mình và W không ngăn cản sự suy luận đó. (CP)	
m.	Vì vậy, bằng phát ngôn (6b), W hàm ý rằng loại thức uống đề cập ở đây không phải là cà phê hay là một loại cà phê giả. (11k + 11l)	

Quan sát (11A) chúng ta thấy những bước suy luận ở đây hỗ trợ cho quan điểm về một loại hàm ngôn quy ước của dấu ngoặc kép mà chúng tôi đã đề cập ở mục 3. Suy luận về “*cà phê*” ở giai đoạn này được diễn giải theo cách đánh dấu một cách hiểu về *cà phê* nhiều hơn hoặc khác so

với nghĩa thông thường vốn có của nó. Và các bước suy luận ở giai đoạn này là hoàn toàn độc lập với ngữ cảnh. Để xác định mục tiêu cuối cùng của biểu thức trong ngoặc kép, tức là để chỉ ra các diễn giải dự định theo mục tiêu của người viết, chúng ta cần đến phần (11B) của quá trình suy luận. Đây là lúc ngữ cảnh cụ thể của phát ngôn phát huy vai trò và công dụng. Bằng các bước suy luận của giai đoạn này, chúng ta xác định được hàm ý hội thoại mà dấu ngoặc kép và biểu thức trong dấu ngoặc kép chỉ ra là đối tượng đang được gọi bằng cái tên *cả phê* không thể xem là *cả phê* theo đúng nghĩa của nó.

Từ quá trình suy luận trong (11) đối với phát ngôn (6b) ở trên, chúng ta có thể khái quát hoá và gợi ý một quá trình diễn giải một câu có chứa dấu ngoặc kép thường gồm hai phần: Phần thứ nhất là hiệu ứng chặn được phái sinh bằng cách suy luận tương tự như (11A); phần thứ hai chính là hàm ý hội thoại của phát ngôn được minh hoạ bằng các bước suy luận ở (11B). Ứng với từng loại ngoặc kép chúng ta có thể hình dung khái quát quá trình phái sinh hàm ngôn như bảng sau:

Bảng 1. Hàm ngôn quy ước tương ứng của các loại dấu ngoặc kép

Giai đoạn	Loại ngoặc kép	Các kiểu hàm ngôn của dấu ngoặc kép và biểu thức ngôn ngữ trong ngoặc kép
(10A)	Tất cả 5 loại ngoặc kép	Đánh dấu tính “đặc biệt” của biểu thức trong ngoặc kép; chặn cách hiểu thông thường đối với biểu thức đó.
(10B)	Ngoặc kép đe dọa Ngoặc kép hỗn hợp Ngoặc kép nhấn mạnh	Biểu thức trong ngoặc kép cần có một cách hiểu bổ sung hoặc một cách hiểu khác cách hiểu có sẵn của chúng.
	Ngoặc kép trích dẫn thuần túy	Biểu thức trong ngoặc được đề cập chứ không được sử dụng (biểu thức trong ngoặc thực hiện chức năng quy chiếu)
	Ngoặc kép trích dẫn trực tiếp	- Đánh dấu tính đa thanh của phát ngôn (trong phát ngôn tồn tại nhiều giọng nói, quan điểm) - Hiện tượng chuyển đổi ngữ cảnh (ngữ cảnh phát ngôn và ngữ cảnh của biểu thức trong ngoặc kép là khác nhau)

Tóm lại, theo cách tiếp cận ngữ dụng được đề xuất, dấu ngoặc kép được sử dụng trong trường hợp cần truyền đạt điều gì đó nhiều hơn hoặc khác hơn các giải thích tiêu chuẩn của một biểu thức không có dấu ngoặc kép. Một phát ngôn có sự xuất hiện của dấu ngoặc kép thì trước hết một hàm ngôn quy ước sẽ được nảy sinh, ngăn chặn cách diễn đạt khuôn mẫu của biểu thức đó; tiếp đến, trong ngữ cảnh cụ thể của phát ngôn, việc giải thích các biểu thức được bao trong dấu ngoặc kép phải được bổ sung bằng một hàm hội thoại tương ứng.

5. Kết luận

Qua những vấn đề trao đổi trong bài viết này, chúng tôi đã chỉ ra rằng cách tiếp cận truyền thống đối với dấu ngoặc kép trong tiếng Việt là không đủ để hiểu đúng về bản chất và giá trị của chúng trong hoạt động giao tiếp. Dựa trên những khung lí thuyết về ngữ dụng, chúng tôi đã trình bày một cách giải thích thay thế về tác dụng và ý nghĩa của dấu ngoặc kép trong ngôn ngữ tự nhiên

nói chung và trong tiếng Việt nói riêng. Bằng những phân tích từ cụ thể đến khái quát, chúng tôi đã chỉ ra chức năng thực sự của dấu ngoặc kép là một chỉ báo ngữ dụng. Sự xuất hiện của nó trong phát ngôn đánh dấu biểu thức ngôn ngữ mà chúng bao chứa, qua đó biểu thị rằng cách diễn giải quy chuẩn của biểu thức trong dấu ngoặc kép đã bị chặn về mặt ngữ dụng. Tiếp theo đó, giá trị thực sự của từng dấu ngoặc kép cụ thể sẽ được suy luận dựa trên các cơ chế ngữ dụng chung như quá trình phái sinh hàm ngôn quy ước và hàm ngôn hội thoại dựa trên khung lí thuyết về hợp tác của Grice cùng sự tham gia của các nhân tố ngữ cảnh.

Có thể nói, cách tiếp cận hiện tượng ngoặc kép thông qua góc nhìn và cơ chế ngữ dụng là con đường hứa hẹn và khả quan nhất. Nhờ nó mà chúng ta có thể phân loại các kiểu ngoặc kép dựa theo chức năng ngữ dụng của chúng; chúng ta có thể khái quát hóa mô hình suy luận đối với các biểu thức trong ngoặc kép và phát ngôn chứa chúng, đồng thời chỉ ra các loại hàm ngôn cụ thể mà từng loại ngoặc kép biểu hiện. Tuy vẫn còn nhiều vấn đề cần nghiên cứu sâu hơn nhưng kết quả nghiên cứu đã cho chúng ta một bức tranh tổng thể về dấu ngoặc kép, giúp chúng ta hiểu rõ hơn cơ chế hoạt động và chức năng của chúng trong hoạt động giao tiếp từ cả phía người tạo lập và thuyết giảng ngôn ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Văn Hiệp, *Về hàm ngôn quy ước (trên tư liệu tiếng Việt)*, TC Ngôn ngữ, Số 2, 2006.
2. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp, *Tiếng Việt thực hành*, NXB ĐHQG Hà Nội, 1997.
3. Ngữ văn 8 (Tập 1), *Bài 14: dấu ngoặc kép*, tr.141, NXB Giáo dục, 2020.
4. Ủy ban KHXH Việt Nam, *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB KHXH, 1983.

Tiếng Anh

5. Abbott, Barbara, *Some Notes on Quotation*, In: De Brabanter, Philippe, ed.: *Hybrid Quotations*, John Benjamins, Amsterdam, 13-26, 2005.
6. Cappelen, Herman & Ernest Lepore, *Varieties of quotation*, *Mind & Language* 106.423, 429-450, 1997.
7. De Brabanter, P., *The semantics and pragmatics of hybrid quotations*, *Language and Linguistics Compass*, 4, 107-120, 2009.
8. Grice, H. Paul, *Logic and conversation*, In: Cole, Peter & Morgan, Jerry (eds.) *Syntax and Semantics 3: Speech Acts*, Academic Press, New York, 41-58, 1975.
9. Gutzmann, Daniel & Erik Stei, *Quotation marks and kinds of meaning. Arguments in favor of a pragmatic account*, In: Brendel, Elke & Jörg Meibauer & Markus Steinbach, ed.: *Understanding Quotation, Linguistic and Philosophical Analyses*, de Gruyter Mouton, Berlin/NewYork, 161-193, 2010.
10. Gutzmann, Daniel & Erik Stei, *How quotation marks what people do with words*, *Journal of Pragmatics* 2011.
11. Recanati, François, *Open quotation*, *Mind* 110.439, 637-687, 2001.
12. Recanati, François, *Open quotation revisited*, *Philosophical Perspectives* 22, 443-471, 2009.
13. Saka, Paul, *Quotation and the use-mention distinction*, *Mind* 107.435, 113-135, 1998.
14. Saka, Paul & Johnson, Michael, *The semantics and pragmatics of quotation*, Ed. by. Dordrecht: Springer, pp. viii, 382. ISBN 9783319687469, 2017.